TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN **THỦY NGUYÊN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2019/DS-ST
Ngày 17 - 5 - 2019
V/v tranh chấp về quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Anh Sơn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Đông

Ông Hoàng Đức Cảnh

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Hà - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đặng Minh Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 29/2019/TLST-DS ngày 26 tháng 02 năm 2019 về tranh chấp về quyền sử dụng đất theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2019/QĐXX-DS ngày 18 tháng 4 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2019/QĐST-DS, ngày 08 tháng 5 năm 2010, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Văn B; địa chỉ: Thôn 11, xã XL, huyện NT, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh Nguyễn Ngọc L; địa chỉ: Thôn 11, xã XL, huyện NT, thành phố Hải Phòng là đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 14 tháng 01 năm 2019); có mặt.

- *Bị đơn*: Ông Phạm Hồng Q và vợ bà Nguyễn Thị T; địa chỉ: Thôn 11, xã XL, huyện NT, thành phố Hải Phòng; đều có mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

Bà Nguyễn Thị X; địa chỉ: Thôn 11, xã XL, huyện NT, thành phố Hải Phòng; có mặt.

Bà Nguyễn Thị V; địa chỉ: Thôn 11, xã XL, huyện NT, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

Bà Nguyễn Thị Q; địa chỉ: Thôn 12, xã ĐH, huyện NT, thành phố Hải Phòng; có mặt.

Bà Nguyễn Thị M; địa chỉ: Thôn 12, xã XL, huyện NT, thành phố Hải Phòng; có mặt.

Bà Nguyễn Thị H; Phố C, LT, xã TQ, huyện NT, thành phố Hải Phòng; có mặt.

Bà Tạ Thị H; địa chỉ: Số 3, Phố N, xã DT, huyện NT, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

Chị Nguyễn Thị Thu H; địa chỉ: Số 3, Phố N, xã DT, huyện NT, thành phố Hải Phòng; có mặt.

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị X, bà Nguyễn Thị V, bà Nguyễn Thị Q, bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị H, bà Tạ Thị H và chị Nguyễn Thị Thu H là ông Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1977; địa chỉ: Thôn 11, xã XL, huyện NT, thành phố Hải Phòng là đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 27 tháng 3 năm 2019); có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trình bày và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị G kết hôn với nhau và có 06 người con tên là: Nguyễn Xuân N (đã chết năm 2014, anh Nguyễn Xuân N có vợ là Tạ Thị H và con gái là Nguyễn Thị Thu H, anh Nguyễn Xuân N không có bố mẹ nuôi, con nuôi); Nguyễn Thị X; Nguyễn Thị V; Nguyễn Thị Q, Nguyễn Thị M và Nguyễn Thị H. Bà Nguyễn Thị G đã chết năm 2018, bà Nguyễn Thị G và ông Nguyễn Văn B không có con nuôi, bà Nguyễn Thị G không có con riêng và bố mẹ nuôi, bố mẹ bà Nguyễn Thị G đã chết trước bà Nguyễn Thị G từ rất lâu rồi. Trước năm 1993, khi chia lại ruộng đất, gia đình ông Nguyễn Văn B và vợ bà Nguyễn Thị G được giao 216m^2 diện tích đất nông nghiệp, tại thửa đất số 379, tờ bản đồ số 06 tại xứ đồng ĐV, Thôn 11, xã XL, huyện NT, thành phố Hải Phòng, mục đích sử dụng đất là trồng cây hàng năm, thời hạn sử dụng là 20 năm. Trong quá trình sử dụng, ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị G cho con gái là bà Nguyễn Thị V mượn để canh tác, thời gian cho mượn ông Nguyễn Văn B không nhớ chính xác ngày tháng năm nào. Từ đó ông không quản lý diện tích đất canh tác này nữa. Bà Nguyễn Thị V canh tác được một thời gian, do đi làm xa nên đã giao lại cho anh trai chồng là ông Phạm Hồng Q vợ là bà Nguyễn Thị T. Ông Phạm Hồng Q và bà Nguyễn Thị T canh tác từ đó đến nay. Năm 2018 Nhà nước thu hồi đất diện tích trên và phương án bồi thường

số tiền là 81.098.000 đồng nhưng ông Phạm Hồng Q không trả lại diện tích đất canh tác trên và gây khó khăn nên ông Nguyễn Văn B không nhận được tiền bồi thường. Vì vậy, ông Nguyễn Văn B đề nghị Tòa án xác định ông Nguyễn Văn B có quyền sử dụng hợp pháp diện tích đất canh tác 216m^2 tại thửa đất số 379, tờ bản đồ số 06 tại xứ đồng Đồng Vải, Thôn 11, xã XL, huyện NT, thành phố Hải Phòng để ông nhận tiền bồi thường.

Trình bày và đề nghị của bị đơn: Bị đơn là anh trai chồng của bà Nguyễn Thị V. Năm 1989, chồng bà Vụ bị tai nạn nên năm 1992, bà Nguyễn Thị V đã trả lại diện tích đất canh tác 216m^2 tại thửa đất số 379, tờ bản đồ số 06 tại xứ đồng ĐV, Thôn 11, xã XL, huyện NT, thành phố Hải Phòng cho Hợp tác xã XL. Sau đó Hợp tác xã XL cấp lại diện tích canh tác trên cho vợ chồng bị đơn, bị đơn đã sử dụng diện tích đất canh tác này từ năm 1992 đến nay và đóng các khoản nghĩa vụ đối với Nhà nước. Việc Hợp tác xã giao diện tích đất trên thì không có quyết định hay văn bản gì mà chỉ giao bằng miệng, vợ chồng bị đơn cũng chưa được cấp giấy chứng nhận đối với diện tích đất đó. Năm 2018, Nhà nước thu hồi đất để phục vụ dự án tái định cư và lập phương án bồi thường thì bị đơn mới biết diện tích đất này đứng tên chủ sử dụng là ông Nguyễn Văn B. Vì vậy, bị đơn khẳng định diện tích đất canh tác trên là của vợ chồng bị đơn và không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Trình bày và đề nghị của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị V: Bà Nguyễn Thị V là con gái của ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị G. Bà Nguyễn Thị V không nhớ chính xác vào năm nào, nhưng trước năm 2000 bố mẹ bà có cho bà mượn diện tích đất canh tác canh tác 216m^2 tại thửa đất số 379, tờ bản đồ số 06 tại xứ đồng ĐV, Thôn 11, xã XL, huyện NT, thành phố Hải Phòng để cấy lúa. Sau đó, do điều kiện đi làm xa nên bà không tiếp tục canh tác được nên vào khoảng năm 2009 ông Phạm Hồng Q hỏi mượn để gieo mạ, bà đồng ý và bà cũng báo lại với ông Nguyễn Thị Bội về việc cho ông Phạm Hồng Q mượn. Ông Phạm Hồng Q và bà Nguyễn Thị T sử dụng từ đó đến nay. Việc mượn đất canh tác chỉ nói bằng miệng, không có văn bản. Trong quá trình sử dụng, bà không thực hiện bất kỳ giao dịch gì liên quan diện tích trên. Nay ông Nguyễn Văn B khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Trình bày và đề nghị của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị X, bà Nguyễn Thị Q, bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị H, bà Tạ Thị H và chị Nguyễn Thị Thu H và người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Ngọc L trình bày: Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thống nhất ý kiến với nguyên đơn và ủy quyền cho ông Nguyễn Ngọc L thay mặt để tham gia tố tụng tại Tòa án.

Ý kiến của Viện kiểm sát: Kiểm sát viên phát biểu ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng pháp luật tố tụng; nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Về việc giải quyết nội dung vụ án, Kiểm sát viên đề nghị áp dụng các Điều 166, 169 Bộ luật Dân sự; Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; các Điều 26, 35, 39, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xác định diện tích đất canh tác thửa đất số 379, tờ bản đồ số 06 tại Đồng Vải, thuộc Thôn 11, xã XL, huyện NT, thành phố Hải Phòng có diện tích 216m^2 thuộc sở hữu hợp pháp của ông Bội và vợ là bà Gụ, buộc ông Quang phải trả lại diện tích trên. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định. Tuyên quyền kháng cáo cho đương sự theo quy định.

Các tài liệu, chứng cứ, tình tiết của vụ án: Nguyên đơn đã giao nộp cho Tòa án các tài liệu chứng cứ như sau: Biên bản làm việc ngày 11/01/2019; Giấy ủy quyền ngày 14/01/2019; Bản sao chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu; Giấy ủy quyền ngày 27/3/2019. Bị đơn đã giao nộp cho Tòa án các tài liệu chứng cứ như sau: Đơn đề nghị ngày 02/11/2008; phiếu thanh toán các ngày 15/11/2018; 17/12/2017; 18/7/2017 và Đơn đề nghị ngày 02/3/2019.

Tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được: Biên bản xác minh về quyền sử dụng đất; biên bản lấy lời khai; bản sao sổ địa chính năm 1995; bản sao Quyết định số 7924 ngày 21/9/2018 về phê duyệt phương án tạm thời về bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất; Biên bản kiểm kê ngày 12/3/2018; phương án bồi thường hỗ trợ; danh sách tổng hợp số tiền bồi thường, hỗ trợ của các hộ dân; danh sách các hộ chưa nhận tiền bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất.

Tình tiết mà các bên thống nhất: Diện tích đất đang tranh chấp là diện tích đất canh tác 216m^2 tại thửa đất số 379, tờ bản đồ số 06 tại xứ đồng Đồng Vải, Thôn 11, xã XL, huyện NT, thành phố Hải Phòng được Nhà nước thu hồi thực hiện Dự án đầu tư xây dựng khu tài định cư di chuyển các hộ dân trong phạm vi ảnh hưởng do nổ mìn khai thác đá tại núi ST A, thuộc địa bàn xã XL, huyện NT, thành phố Hải Phòng và chưa được chi trả tiền bồi thường.

Tình tiết mà các bên không thống nhất: Nguyên đơn đề nghị công nhận diện tích đất canh tác 216m^2 tại thửa đất số 379, tờ bản đồ số 06 tại xứ đồng ĐV, Thôn 11, xã XL, huyện NT, thành phố Hải Phòng là của nguyên đơn. Bị đơn không đồng ý với ý kiến của nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án tranh chấp về quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại xã Lại Xuân, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng.

[2] Về người tham gia tố tụng: Nguyên đơn là ông Nguyễn Văn B; bị đơn là ông Phạm Hồng Q và vợ Nguyễn Thị T. Diện tích đất các bên đang tranh chấp cấp cho gia đình ông Nguyễn Văn B vợ là bà Nguyễn Thị G. Bà Nguyễn Thị G đã chết năm 2018, ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị G có 06 người con trong đó có một người con đã chết vì vậy người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được xác định như tại phần đầu bản án.

[3] Về yêu cầu khởi kiện: Nguyên đơn đề nghị Tòa án buộc bị đơn phải trả lại diện tích đất canh tác 216m^2 tại thửa đất số 379, tờ bản đồ số 06 tại xứ đồng ĐV, Thôn 11, xã XL, huyện NT, thành phố Hải Phòng cho nguyên đơn, nhưng do diện tích đất trên đã bị Nhà nước thu hồi nên đề nghị xác định diện tích đất trên thuộc quyền sử dụng hợp pháp của nguyên đơn để nguyên đơn được lấy tiền đền bù theo quy định.

Xét nguồn gốc diện tích đất đang tranh chấp: Qua các tài liệu xác minh, tại Sổ địa chính năm 1995 của Ủy ban nhân dân xã XL, huyện NT, thành phố Hải Phòng, trang số 05 thể hiện: Hộ gia đình ông Nguyễn Văn B và vợ bà Nguyễn Thị G được Nhà nước giao tổng diện tích 888m^2 đất trồng cây hàng năm, trong đó có diện tích đất 216m^2 tại thửa đất số 379, tờ bản đồ số 06 tại xứ đồng Đồng Vải, Thôn 11, xã XL, huyện NT, thành phố Hải Phòng. Đối với gia đình ông Phạm Hồng Q và vợ bà Nguyễn Thị T được Nhà nước giao tổng diện tích 2058m^2 đất nông nghiệp và đã được Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không có diện tích đất nào tại thửa đất số 379, tờ bản đồ số 06 tại xứ đồng ĐV, Thôn 11, xã XL, huyện NT, thành phố Hải Phòng. Ủy ban nhân dân xã XL không nhận được thông báo hay đề nghị thực hiện thủ tục gì về giao dịch chuyển đổi, chuyển nhượng đối với diện tích đất trên. Ngoài ra, tính đến trước năm 2018 cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chưa có quyết định thu hồi đối với diện tích đất này. Bị đơn cho rằng diện tích trên là do Hợp tác xã xã XL giao cho nhưng bị đơn không xuất trình được các chứng cứ chứng minh việc giao đất. Từ những chứng cứ nêu trên, xác định ông Nguyễn Văn B và vợ bà Nguyễn Thị G là chủ sử dụng hợp pháp diện tích đất canh tác 216m^2 tại thửa đất số 379, tờ bản đồ số 06 tại xứ đồng ĐV, Thôn 11, xã XL, huyện NT, thành phố Hải Phòng là phù hợp quy định của pháp luật.

Tại Quyết định số 7924 ngày 21 tháng 9 năm 2018 về việc phê duyệt phương án tạm thời về bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự

án đầu tư xây dựng khu tái định cư di chuyển các hộ dân trong phạm vi ảnh hưởng do nổ mìn khai thác đá tại Núi ST A, thuộc địa bàn xã XL, huyện NT; Bảng tổng hợp kinh phí bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất, giải phóng mặt bằng, ngày 19/9/2018; Phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất ngày 19/9/2018 đều thể hiện người được bồi thường là ông Nguyễn Văn B (Nguyễn Thị G). Ngoài ra, thực tế hiện nay diện tích đất trên đã bị thu hồi để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Khu tái định cư do vậy ông Nguyễn Văn B và các đồng thừa kế của bà Nguyễn Thị G là người được hưởng các khoản bồi thường đối với diện tích đất bị thu hồi theo quy định. Nay, ông Phạm Hồng Q và bà Nguyễn Thị T chiếm hữu và trình bày diện tích đất trên thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông Phạm Hồng Q và bà Nguyễn Thị T là không có căn cứ. Do vậy, buộc ông Phạm Hồng Q và bà Nguyễn Thị T phải trả lại diện tích đất trên cho ông Nguyễn Văn B và xác định ông Nguyễn Văn B và các đồng thừa kế của bà Nguyễn Thị G là chủ sử dụng hợp pháp diện tích diện tích đất canh tác 216m^2 tại thửa đất số 379, tờ bản đồ số 06 tại xứ đồng ĐV, Thôn 11, xã XL, huyện NT, thành phố Hải Phòng là phù hợp với Điều 8, Điều 115, Điều 163, Điều 166, Điều 169; Điều 579 Bộ luật Dân sự.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 100, Điều 203 Luật Đất đai; Điều 8, Điều 115, Điều 163, Điều 166, Điều 169, Điều 579 Bộ luật Dân sự; Điểm a, khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn B, xác định ông Nguyễn Văn B và các đồng thừa kế của bà Nguyễn Thị G là chủ sử dụng hợp pháp diện tích đất canh tác 216m^2 tại thửa đất số 379, tờ bản đồ số 06 tại xứ đồng ĐV, Thôn 11, xã XL, huyện NT, thành phố Hải Phòng.

Ông Nguyễn Văn B và các đồng thừa kế của bà Nguyễn Thị G được hưởng các khoản tiền bồi thường theo quy định của pháp luật khi Cơ quan có thẩm quyền thu hồi diện tích đất canh tác 216m2 tại thửa đất số 379, tờ bản đồ số 06 tại xứ đồng ĐV, Thôn 11, xã XL, huyện NT, thành phố Hải Phòng.

2. Về án phí: Ông Phạm Hồng Q và bà Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo bản án: Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Trường hợp đương sự đã tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt khi Tòa án tuyên án mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP Hải phòng;
- VKSND huyện Thuỷ nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thuỷ nguyên;
- Đương sự;
- Lưu: VT; Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Anh Sơn